

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Vinh
Ông Bùi Thế Huệ

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 75/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị An Thị A, sinh năm: 1997 (có mặt)

Trú tại: Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Hồ Quang B, sinh năm: 1991 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn A, xã D, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/8/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị An Thị A trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị và anh Hồ Quang B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị đi làm tại Công ty may ở thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Đầu năm 2017, vợ chồng chị về quê anh B ở cùng bố mẹ anh

B tại xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Tháng 6/2017, anh B đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Sau khi sang Nhật Bản, anh B không liên lạc với chị và cũng không gửi tiền về cho chị nuôi con. Nên tháng 6/2019, chị về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Hải Dương để đi làm công nhân may lấy tiền nuôi con và sinh sống. Chị phải gửi con lại cho bố mẹ anh B chăm sóc, những lúc rảnh chị đón con về bên ngoại. Tháng 02/2020, anh B về Việt Nam có đến thăm bố mẹ đẻ chị ở Hải Dương nhưng vợ chồng chị không gặp nhau vì chị phải đi làm ở công ty. Sau đó anh B quay sang Nhật Bản làm việc. Vợ chồng chị sống ly thân nhiều năm nay. Trước khi anh B đi Nhật Bản, vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hồ Quang B.

2. Về con: Anh chị có 01 con chung là Hồ Quang Trung Kiên, sinh ngày 24/10/2014. Anh chị ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

3. Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Chị A trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh Hồ Quang B tại Nhật Bản nên không thể cung cấp cho Tòa án. Anh B vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Hồ Quang Diện và bà Phạm Thị Quyên, địa chỉ ở Thôn 4, xã Quang Trung, thị xã Bỉm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ thêm thông tin từ bố mẹ anh B.

Ngày 24/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thu thập chứng cứ tại gia đình ông Hồ Quang Diện và bà Phạm Thị Quyên là bố mẹ anh Hồ Quang B thì được biết anh B đã về Việt Nam ngày 29/9/2022. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh B.

** Bị đơn là anh Hồ Quang B trình bày:*

1. Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống cùng nhau cũng như thời gian anh đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản như chị A trình bày trên là đúng. Năm 2019, anh có về Việt Nam thăm gia đình sau đó tiếp tục sang Nhật Bản làm việc. Ngày 29/9/2022, anh về Việt Nam ở cùng gia đình đến nay.

Quá trình vợ chồng anh chung sống không có mâu thuẫn gì lớn. Tháng 6/2019, chị A về nhà bố mẹ đẻ tại Hải Dương, từ đó đến nay vợ chồng anh

không liên lạc với nhau. Nay chị A có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn.

2. Về con: Anh chị có 01 con chung như chị A trình bày trên là đúng. Nay anh chị ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

3. Về tài sản, công nợ chung: Anh, chị không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa:

- Chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B; về con chị đồng ý giao cháu Kiên cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

+ Tổ tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đúng theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị An Thị A, xử cho chị A được ly hôn anh B; công nhận sự thỏa thuận của anh B, chị A giao cháu Kiên cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Căn cứ các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân gia đình. Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền của Tòa án:

Chị An Thị A nộp đơn khởi kiện vụ án ly hôn đến Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa ngày 08/8/2022. Ngày 10/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành công văn số 60/CV-TA gửi Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an V/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của anh Hồ Quang B (BL 12). Ngày 16/8/2022, Cục quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an có Công văn số 17117/QLXNC – P5 V/v cung cấp thông tin XNC, theo đó “*Hồ Quang B, sinh ngày 11/01/1991, đã xuất nhập cảnh 3 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 01/01/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước*” (BL 13, 14). Do đó, vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa vì bị đơn cư trú ở nước ngoài. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa bị đơn là anh Hồ Quang B vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh B.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị An Thị A và anh Hồ Quang B kết hôn trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp.

Chị A có đơn xin ly hôn, anh B cũng đồng ý. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị A được ly hôn anh B.

[2.2]. Về con: Anh chị có 01 con chung là Hồ Quang Trung Kiên, sinh ngày 24/10/2014. Nay ly hôn anh B và chị A thỏa thuận giao cháu Kiên cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con, cháu Kiên có nguyện vọng xin được ở với bố. Mặt khác, hiện nay anh B đã về Việt Nam. Xét thấy đây là sự tự nguyện của anh chị, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản, công nợ chung: Chị A và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3]. Về án phí: Chị A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; khoản 1 Điều 37; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị An Thị A.

- Về hôn nhân: Cho chị An Thị A được ly hôn anh Hồ Quang B.

- Về con: Giao cháu Hồ Quang Trung Kiên, sinh ngày 24/10/2014 là con chung của anh B và chị A cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Chị A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị A có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản: Không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Chị An Thị A phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị A đã nộp theo Biên lai thu số 6028 ngày 30/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Chị An Thị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hồ Quang B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Tổ HC-TP; - Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa GD & NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Vinh

Bùi Thế Huệ

Lê Thị Thủy